

+ *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Vũ Đ - Sinh năm: 1998 - Địa chỉ: Xóm 2, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt;

2/ Anh Dương Đình H - Sinh năm: 1981 - Địa chỉ: Xóm 9, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt;

3/ Anh Phan Văn M - Sinh năm: 1993 - Địa chỉ: Xóm 3, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt;

4/ Anh Phan Văn C – Sinh năm: 1996 – Địa chỉ: Xóm 3, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 24/01/2018, Mai Văn T đi chơi về, nhìn sang nhà anh Mai Văn T ở cùng xóm 1, xã Tr, huyện N (đối diện nhà T) thấy không có ai ở nhà, T nảy sinh ý định vào nhà anh T trộm cắp tài sản. T vào nhà lấy 01 tuốc nơ vít (cán màu đen, thân màu xám, dài khoảng 15cm, mũi dẹt 02 cạnh), sang nhà anh T đi đến cánh cửa phía sau nhà, quan sát xung quanh không thấy có người, T dùng tuốc nơ vít cạy bật miếng tôn ốp bên ngoài cánh cửa ra rồi thò tay vào bên trong kéo chốt (chốt không có khóa), mở cửa đi vào. Do hay sang nhà anh T và biết nhà anh T để tiền trong tủ kính, nên T đi đến tủ kính mở cửa kính ra, dưới ánh sáng điện trong nhà T thấy một hộp sữa (đã sử dụng) bên trong có 06 thẻ viettel mệnh giá 50.000đ và 10 thẻ viettel mệnh giá 20.000đ và 01 ví da nữ màu nâu hình chữ nhật. T lấy thẻ và mở ví da ra lấy toàn bộ số tiền bên trong được 2.300.000đ (gồm tiền mệnh giá 200.000đ; 100.000đ; 50.000đ; 20.000đ và 10.000đ) bỏ vào túi quần rồi bỏ chiếc ví vào vị trí cũ. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 dựng sát giường, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe, T dắt xe ra phía cửa sau nhà (cửa nhà T đã cạy phá đột nhập vào), do vương giá để ống nước nên T nghiêng xe đẩy ra ngoài. Đưa được xe ra khỏi nhà anh T, T khép cửa lại rồi dắt xe qua bãi đất trống phía sau nhà anh T đi ra đường liên xã Nga Trung đi Nga Thủy, nổ máy điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Vũ Đ ở xóm 2, xã B, huyện N, trên đường đi T ném chiếc tua nơ vít xuống ao phía sau Trường tiểu học Nga Trung thuộc xóm 5, Xã Tr, huyện N. Đến nhà anh Đ, T mở cốp xe ra thấy trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Mai Văn T và 01 giấy phép lái xe mang tên Mai Thị B. T lấy giấy phép lái xe mang tên Mai Thị B mang ném xuống kênh gần nhà anh Đ rồi đem xe vào trong nhà anh Đ gửi. Số tiền lấy được T chi tiêu cá nhân, còn các thẻ điện thoại T nạp vào điện thoại của mình để sử dụng.

Chiều ngày 26/01/2018, T nhờ anh Phan Văn C ở xóm 3, xã B, huyện N dẫn đến nhà anh Dương Đình H ở xóm 9, Xã B, huyện N cầm cố chiếc xe được 15.000.000đ. T cầm tiền đi chuộc lại chiếc xe đã cầm cố trước đó hết 8.000.000đ, số còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Khoảng ba ngày sau, anh C gọi điện thoại cho T hỏi “có bán xe không”, T hỏi “mua được bao nhiêu” anh C trả lời “mua được

17.000.000đ thôi”, T đồng ý. Anh C đến nhà anh Phan Văn M ở xóm 3, xã B nói “nếu không có xe đi thì đến nhà ông H mà mua xe, thằng bạn cháu cầm cái xe còn đẹp lắm mà nó không lấy”, anh M cùng anh C đến nhà anh H xem xe và hỏi mua chiếc xe nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 với giá 17.000.000đ. Khoảng hai ngày sau anh H đưa cho anh C số tiền 2.000.000đ để trả cho T, anh C đưa lại cho anh H 1.000.000đ và cầm 1.000.000đ đưa cho T, sau khi nhận tiền T dùng chi tiêu cá nhân hết.

Mua xe được khoảng 05 ngày, thì anh Nguyễn Văn T (cậu của anh M) ở xóm 9, Xã B, huyện N hỏi anh M mua lại xe với giá 17.000.000đ. Ngày 28/4/2018, anh Nguyễn Văn T sử dụng xe đi công việc gia đình, thì anh T phát hiện, giữ lại và báo cáo Công an xã Nga Trung và Công an huyện Nga Sơn giải quyết, anh T đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53; 01 đăng ký xe mang tên Mai Văn T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn.

Ngày 03/5/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 số khung 2709B1408750, số máy JF27E1279688 có giá trị 18.500.000đ.

Ngày 29/6/2018, Mai Văn T đến Công an huyện Nga Sơn đầu thú và khai báo toàn bộ nội dung sự việc.

Các anh Dương Đình H, Nguyễn Vũ Đ, Phan Văn C, Phan Văn M, Nguyễn Văn T không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 mà T mang đến gửi, cầm cố và đã mua lại xe để sử dụng là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự.

Anh Mai Văn T đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 và 01 đăng ký xe mang tên Mai Văn T, đồng thời T đã tác động gia đình bồi thường cho anh T số tiền 2.800.000đ (trong đó 2.300.000đ tiền mặt và 500.000đ tiền thẻ thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ và mệnh giá 20.000đ). Sau khi nhận lại tài sản, anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị B không yêu cầu T phải bồi thường gì về việc mất giấy phép lái xe.

Anh Dương Đình H đã tự nguyện trả lại cho gia đình anh T số tiền 1.000.000đ, anh Nguyễn Văn T yêu bị can T phải bồi thường cho anh số tiền đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 còn lại là 16.000.000đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã truy tìm một tuốc nơ vít (cán màu đen, thân màu xám, dài khoảng 15cm, mũi dẹt 02 cạnh) nhưng không tìm thấy.

Từ những hành vi trên, Cáo trạng số 31/CT-VKSNS-KT ngày 04/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 1 Điều 173 BLHS: Tuyên bố Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Mai Văn T từ 15 đến 18 tháng tù, tổng hợp với phần hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 01/2017/HSST ngày 18/01/2017, thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/6/2018. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 BLHS: Buộc Mai Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 16.000.000đ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] HĐXX nhận thấy: Khoảng 20 giờ ngày 24/01/2018, bị cáo Mai Văn T dùng tuốc nơ vít cây cửa sau, vào nhà anh Mai Văn T ở xóm 1, Xã Tr, huyện N trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen vàng, BKS 36G1 – 042.53 có giá trị 18.500.000đ cùng số tiền mặt 2.300.000đ và 06 thẻ viettel mệnh giá 50.000đ và 10 thẻ viettel mệnh giá 20.000đ. Số tiền lấy được, T dùng để chi tiêu cá nhân, còn các thẻ điện thoại T nạp vào điện thoại của mình để sử dụng, chiếc xe mô tô trộm cắp được, T cầm cố cho anh Dương Đình H ở xóm 9, Xã B, huyện N được 15.000.000đ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng một tuần sau, anh Phan Văn M cùng anh C đến nhà anh Dương Đình H mua lại chiếc xe trên, sau đó anh M bán lại chiếc xe cho anh Nguyễn Văn T với giá 17.000.000đ.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã lén lút trộm cắp số tài sản cả bằng tiền và hiện vật đem tiêu thụ và tiêu dùng cá nhân, bất chấp những tài sản đó không do công sức của mình mà có được. Bị cáo biết tài sản trộm cắp là của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm đến cùng.

[3] Về hậu quả đối với xã hội: Hành vi phạm tội của bị cáo để lại hậu quả rất xấu đối với xã hội, làm mất trật tự trị an thôn xóm, gây T lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương trong việc bảo vệ tài sản hợp pháp của mình.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, không chịu lao động lại muốn hưởng thụ cao, đã bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xử về tội “Trộm cắp tài sản”, đang trong thời gian thử thách của bản án trước mà lại phạm tội mới.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo; tác động với gia đình bồi thường thiệt hại; sau khi phạm tội đã đầu thú quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Từ những nhận xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả đối với xã hội, về nhân thân, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS,

HĐXX xét thấy cần lên cho bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 2 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong vụ án này, ngoài bị cáo T còn có anh Dương Đình H, anh Nguyễn Văn Đ, anh Phan Văn C, anh Phan Văn M, anh Nguyễn Văn T, không biết chiếc xe mô tô mà bị cáo mang đến gửi, cầm cố và mua lại là tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có nên không xử lý hình sự là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Mai Văn T (bị hại) đã nhận lại xe mô tô bị trộm và bị cáo Mai Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho anh T số tiền mặt và tiền theo mệnh giá thẻ điện thoại 2.800.000đ. Anh T không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Riêng số tiền 17.000.000đ anh Nguyễn Văn T mua xe mô tô từ anh M (anh M mua từ anh H) do bị cáo T trộm cắp mà có, anh Dương Đình H đã tự nguyện trả cho anh T 1.000.000đ, số tiền còn lại là 16.000.000đ, nghĩ cần buộc bị cáo Mai Văn T bồi thường cho anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án: Chiếc tuốc nơ vít (cán màu đen, thân màu xám, dài khoảng 15cm, mũi dẹt 02 cạnh), Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã truy tìm nh không thấy nên miễn xét.

[8] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

Bản cáo trạng, Quyết định truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với bị cáo, trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

Trong hồ sơ vụ án, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều T thủ theo quy định của BLTTHS tại Điều 37, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 BLHS:

+ Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 15 (mười lăm) tháng tù và tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 01/2017/HSST ngày

18/01/2017 của TAND huyện Nga Sơn, tổng cộng bị cáo phải chấp hành 27 (hai mươi bảy) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 29/6/2018).

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS: Bị cáo Mai Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 BLTTHS: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T và chị L có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án này; chị B có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Công an huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đăng Ninh

Đỗ Xuân Thái

Bùi Trung Thu